

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC**

TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 22/2024/HNGĐ - ST.

Ngày: 09/5/2024.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Quang Vinh.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Lan.

2. Ông Nguyễn Văn Hải.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nông Thị Lương, chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Quỳnh Hoa, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 14/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2024/QĐST- HNGĐ ngày 16/4/2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị Tạ Thị Thanh N, sinh năm: 1993 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã H1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Anh Dương Ngọc T, sinh năm: 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã H1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo nội dung đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Tạ Thị Thanh N trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi (Tạ Thị Thanh N) và anh Dương Ngọc T sau một thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau tự nguyện thì quyết định tiến tới hôn nhân, có

tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương, về chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 78, ngày 07 tháng 09 năm 2016.

Sau khi về chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách của vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có sự tôn trọng, chia sẻ nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm danh dự nhân phẩm lẫn nhau, có lúc còn xô xát. Hai bên gia đình đã khuyên bảo nhưng không có kết quả, đến tháng 12 năm 2023, sau khi xảy ra mâu thuẫn, tôi đã về nhà bố mẹ để đẻ đẻ sinh sống. Tôi nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không còn cơ hội quay về đoàn tụ nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Dương Ngọc T.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng tôi có 02 con chung là cháu Dương Ngọc Anh T1, sinh ngày 26/10/2019 và cháu Dương Ngọc Anh P, sinh ngày 04/08/2021. Sau khi tôi về nhà mẹ đẻ sống thì cả hai cháu đều do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nguyên vọng của chị N xin được nuôi 01 con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai ngày 18/4/2024, bị đơn anh Dương Ngọc T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi (Dương Ngọc T) và chị Tạ Thị Thanh N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 78, ngày 07 tháng 09 năm 2016. Sau khi về chung sống vợ chồng sống hạnh phúc, đến tháng 12/2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, thường xuyên cãi nhau nên cô Nhân bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Từ đó vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng tôi có 02 con chung, cháu Dương Ngọc Anh T1, sinh ngày 26/10/2019 và cháu Dương Ngọc Anh P, sinh ngày 04/08/2021. Sau khi chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, hai cháu do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nguyên vọng của anh T xin được nuôi hai con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

* Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự, triệu tập chị N, anh T đến Tòa án làm việc lập bản tự khai, tham gia Phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và Hòa giải. Tuy nhiên sau khi Tòa án công khai chứng cứ, anh T không ký biên bản và bỏ về, ngày 14/3/2024, Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận

công khai chứng cứ và hoà giải lần 2, anh T vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân Sự, Toà án đưa vụ án ra xét xử.

*** Phần tranh luận:**

- Nguyên đơn chị Tạ Thị Thanh N trình bày ý kiến tranh luận: Tôi và anh T đăng ký kết hôn ngày 07/9/2016 tại UBND xã H1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2023, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, hay cãi nhau. Tháng 12/2023, sau khi vợ chồng cãi nhau, anh T đe dọa đến tính mạng của tôi, túm tóc đòi cắt tóc của tôi nên tôi bỏ về nhà bố mẹ sinh sống. Thực tế cuộc sống vợ chồng hiện nay không hạnh phúc, nên tôi đề nghị Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn anh T.

Về con chung: Trước đây tại đơn khởi kiện xin ly hôn, tôi có nguyện vọng vợ chồng mỗi người nuôi một cháu. Tuy nhiên, sau khi tôi bỏ về nhà bố mẹ sinh sống được một tháng, anh T đưa hai cháu đi khỏi địa phương, tôi đã tìm cách nhưng không thể liên lạc được. Hiện nay tôi cũng không biết hai cháu đang ở đâu. Tại bản tự khai, anh T có nguyện vọng xin được nuôi hai con chung vì không muốn chia rẽ các cháu, tôi xác nhận anh T làm nghề lái xe ô tô, có thu nhập ổn định mỗi tháng khoảng 15.000.000 đồng, đảm bảo điều kiện nuôi con, do vậy tôi đồng ý để anh T nuôi hai con chung. Anh T không yêu cầu tôi cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên tôi không có ý kiến gì.

- Bị đơn anh Dương Ngọc T vắng mặt tại phiên toà nên HĐXX không ghi nhận được ý kiến tranh luận của anh T.

*** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc trình bày quan điểm:**

- Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử (HĐXX) và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Tạ Thị Thanh N được ly hôn với anh Dương Ngọc T. Về con chung: Giao con chung cháu Dương Ngọc Anh T1, sinh ngày 26/10/2019 và cháu Dương Ngọc Anh P, sinh

ngày 04/08/2021 cho anh Dương Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị N, anh T không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hình thức:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Tại thời điểm chị Tạ Thị Thanh N khởi kiện, bị đơn anh Dương Ngọc T đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã H1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đơn khởi kiện của chị Tạ Thị Thanh N đề ngày 08/01/2024, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về việc xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Dương Ngọc T: Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/3/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2024 cho bị đơn anh Dương Ngọc T, tuy nhiên anh T vắng mặt không có lý do. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn anh Dương Ngọc T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị Thanh N và anh Dương Ngọc T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 78, ngày 07 tháng 9 năm 2016, như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp. Trong quá trình lập bản tự khai, chị N và anh T đều xác định, nguyên nhân mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng do không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Theo kết quả xác minh tại chính quyền địa phương (Bút lục 27) cho thấy: “Trong quá trình chung sống tại địa phương vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc, thời gian gần đây anh T và chị N có xảy ra cãi nhau, anh T dùng kéo cắt tóc của chị N”. Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy có đủ cơ sở chứng minh tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị Tạ Thị Thanh N được ly hôn với anh Dương Ngọc T là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh T có hai con chung, cháu Dương Ngọc Anh T1, sinh ngày 26/10/2019 và cháu Dương Ngọc Anh P, sinh ngày 04/08/2021. Để có cơ sở pháp lý trong việc giao con chung cho anh T hay chị N trực tiếp chăm sóc, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, nên ngày 22/01/2024, Tòa án đã tiến hành xác minh mức thu nhập của anh T và chị N, kết quả ban tự quản thôn cung cấp như sau: “Anh Dương Ngọc T làm gì và thu nhập bình quân hàng tháng bao nhiêu ban tự quản thôn không nắm được. Tuy nhiên, sau khi xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau thì anh T đã mang theo hai con chung đi khỏi địa phương. Đối với chị Tạ Thị Thanh N có nhà cửa ổn định, sinh sống tại địa phương, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 7.000.000 đồng”.

Mặc dù xác minh tại địa phương không xác định được mức thu nhập hàng tháng của anh T. Tuy nhiên, trong quá trình lập bản tự khai, anh T xác định mức thu nhập mỗi tháng của anh T là 15.000.000 đồng, mức thu nhập của anh T được chị N thừa nhận tại phiên tòa và được chứng minh qua việc từ tháng 12/2023, khi chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh T vẫn nuôi hai con chung và đảm bảo mọi quyền lợi cho các con trong việc chăm sóc, nơi ở và cho các con đi học. Tại phiên tòa chị N có nguyện vọng giao hai con chung cho anh T chăm sóc nuôi dưỡng.

Xét trên thực tế hiện nay, anh T đã đưa hai con chung đi khỏi địa phương, Chính quyền địa phương và chị N cũng không xác định được hiện nay hai cháu đang ở với anh T tại địa chỉ nào. Vì vậy, HĐXX căn cứ các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, giao hai cháu Dương Ngọc Anh T1 và Dương Ngọc Anh P cho anh Dương Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi là đúng quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tế.

Chị Tạ Thị Thanh N được quyền đi lại, thăm và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Tại bản tự khai ngày 18/01/2024, anh Dương Ngọc T không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tạ Thị Thanh N, anh Dương Ngọc T không yêu cầu nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Tạ Thị Thanh N chấp nhận nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 203; Điều 220; Khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tạ Thị Thanh N

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Tạ Thị Thanh N được ly hôn với anh Dương Ngọc T.

[2] Về con chung: Giao hai cháu Dương Ngọc Anh T1, sinh ngày 26/10/2019 và cháu Dương Ngọc Anh P, sinh ngày 04/08/2021 cho anh Dương Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Dương Ngọc Anh T1, Dương Ngọc Anh P đủ 18 tuổi.

Chị Tạ Thị Thanh N được quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Tuy nhiên, chị Tạ Thị Thanh N không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

[3] Về cấp dưỡng tiền nuôi con: anh Dương Ngọc T Không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tạ Thị Thanh N, anh Dương Ngọc T không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Tạ Thị Thanh N chấp nhận nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng

án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0005500 ngày 10/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Tạ Thị Thanh N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn anh Dương Ngọc T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự”.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Thi hành án DS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

(Đã ký)

Trương Quang Vinh